

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y ; Chuyên ngành: NHI

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HÀ VĂN THIỆU

2. Ngày tháng năm sinh: 08/6/1967; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 579A Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: 579A Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0367 697788;

E-mail: thieuhv@pnt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 8/1993 đến 3/2006: Bác sỹ điều trị, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Trung tâm Y tế Phù Cát- Bình Định.

Từ năm 4/2006 đến 3/2016: Bác sỹ điều trị, Trưởng khoa Tiêu Hóa, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.

Từ năm 4/2016 đến năm 2021: Giảng viên Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Chức vụ cao nhất đã qua:

- Trưởng Phòng KHTH Trung tâm Y tế Phù Cát- Bình Định.

- Trưởng khoa Tiêu hóa Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Nhi, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Địa chỉ cơ quan: 02 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028 38652435

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có)

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 8 năm 1993, số văn bằng: A 1520, ngành: Y, chuyên ngành: Bác sĩ Y khoa

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y khoa Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 12 năm 2002, số văn bằng: YK 00153, ngành: Y, chuyên ngành: Y học

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 10 năm 2014, số văn bằng: 003751, ngành: Y, chuyên ngành: Nhi-Tiêu Hóa

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành: Không

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch- Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Bệnh lý Nhi khoa, đặc biệt các bệnh lý

- Thừa cân béo phì và hội chứng chuyển hóa (bài báo số 2, 3, 4, 8, 9, 17).

- Bệnh lý gan mật (bài báo số 5, 34).
- Viêm loét dạ dày tá tràng do *Helicobacter pylori* (bài báo số 11, 12, 15, 16, 23, 25, 30, 33).
- Viêm tụy (bài báo số 22, 32).
- Ói chu kỳ (bài báo số 24, 26).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 5 bác sĩ chuyên khoa 2 bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa 2; Đã hướng dẫn 3 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc Sĩ; Đã hướng dẫn 4 bác sĩ nội trú bảo vệ thành công luận văn bác sĩ nội trú.

- Đang hướng dẫn 1 học viên bác sĩ chuyên khoa 2, 1 học viên Cao học, 1 bác sĩ nội trú hoàn thành luận văn tốt nghiệp năm 2022.

- Đã được nghiệm thu 16 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có 2 đề tài cấp tỉnh (năm 2008, năm 2011) và 14 đề tài cấp Cơ sở.

Năm 2022 đang thực hiện 01 nghiên cứu khoa học cấp thành phố “Nghiên cứu tình hình nhiễm giun đũa chó ở trẻ em và hiệu quả điều trị bằng albendazole tại thành phố Hồ Chí Minh” và 01 đề tài cấp cơ sở.

- Đã công bố 34 bài báo khoa học, trong đó có 5 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

- Số sách đã xuất bản: 2 cuốn sách thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó có 1 cuốn là chủ biên và biên soạn một mình, do nhà Xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh xuất bản; 1 cuốn sách do nhà Xuất bản Y học với vai trò tham gia biên soạn.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

+ Là thành viên Tổ soạn thảo chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa theo Quyết định số 246/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 07/02/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; và đã được các cấp phê duyệt cho bộ môn Nhi- Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch mở mã ngành đào tạo Tiến sĩ năm 2018.

5 công trình khoa học tiêu biểu nhất:

1. Huỳnh Minh Hoàn, Hà Văn Thiệu (2011), Tỷ lệ Viêm gan B và hiệu giá

kháng thể anti-HBs 1-6 tuổi đã được tiêm chủng vắc xin viêm gan B, *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 15, số 3, tr.20-23.

2. Hà Văn Thiệu (2019), Clinical and paraclinical characteristics of metabolic syndrome in children with overweight and obesity in Dong Nai province, Vietnam, *VJSTE*, Tập 61, số 2, pp.60-64.

3. Hà Văn Thiệu và cộng sự (2020), Antibiotic resistance of *Helicobacter pylori* infection in a children's hospital in Vietnam: prevalence and associated factors, *Minerva Medica*, 111, 5, pp.498-501.

4. Hà Văn Thiệu và cộng sự (2020), Etiology of Acute Recurrent Pancreatitis in Vietnamese Children: an Initial Report, *Med Arch*, 74, 6, pp.474-477.

5. Hà Văn Thiệu và cộng sự (2021), Antimicrobial Resistance and the Successful Eradication of *Helicobacter pylori*-Induced Gastroduodenal Ulcers in Vietnamese Children, *Med Arch*, 75, 2, pp.112-115.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở nhiều năm liền

Năm 2003, 2004, 2005, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2019.

- Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh

Năm 2010, 2013.

- Bằng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh

Năm 1997, 1998, 2009, 2011, 2013, 2015.

- Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ năm 2013.

- Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân năm 2014.

- Thành tích học tập và nghiên cứu khoa học:

- + Giấy khen năm 1998: Đã có thành tích xuất sắc về Đề tài nghiên cứu khoa học theo Quyết định số 230/QĐ-SYT ngày 18/3/1998 của Giám đốc Sở Y Tế tỉnh Bình Định.

- + Bằng khen năm 2012: Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sáng tạo 5 năm liền giai đoạn 2007-2012 theo Quyết định số 686/QĐKT-LĐLĐ ngày 06/8/2012 của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai.

- + Giấy khen năm 2015: Đã đạt thành tích tốt trong học tập Nghiên cứu sinh khóa 2010-2013 theo Quyết định số 10/YD-KT ngày 6/5/2015 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bằng khen năm 2015: Học viên chương trình đào tạo sau đại học đạt thành tích học tập giỏi năm 2015 theo Quyết định số 364/ QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai.

16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Nhiệm vụ giảng dạy

- Giảng dạy và bồi dưỡng sinh viên, học viên liên tục trong suốt 9 năm. Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo qui định hiện hành: Giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, Bác sĩ chuyên khoa 1, Bác sĩ chuyên khoa 2, Bác sĩ nội trú thực hiện nghiên cứu khoa học đều đặn trong suốt quá trình làm việc.

- Bản thân là thành viên của các Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ, luận văn bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú, luận văn cao học của Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Năng lực giảng dạy: Rất tốt, trình bày các bài lý thuyết rất tập trung và có nhiều kiến thức mới. Giảng dạy thực hành theo hướng giải quyết các vấn đề thường gặp trên lâm sàng. Cùng với bộ môn Nhi trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch thực hiện việc đào tạo sinh viên Y đa khoa, Y Việt Đức, Y Liên thông, Răng Hàm Mặt, Cử nhân Điều dưỡng và giảng dạy cho học viên sau đại học.

- Hướng dẫn các giảng viên trẻ hoàn thành các bài giảng theo chương trình. Là một nhà giáo có đạo đức tốt, mô phạm, rất tâm huyết với nghề, có ý thức giữ gìn danh dự và lương tâm nghề giáo. Có tinh thần đoàn kết và giúp đỡ đồng nghiệp, luôn tận tụy với nghề, công bằng trong giảng dạy và đánh giá học viên.

- Đã hướng dẫn 5 bác sĩ chuyên khoa 2 bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa 2; Đã hướng dẫn 3 học viên cao học và 4 bác sĩ nội trú bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ và bác sĩ nội trú; đang hướng dẫn 1 học viên bác sĩ chuyên khoa 2, 1 học viên cao học, 1 bác sĩ nội trú hoàn thành luận văn tốt nghiệp năm 2022.

1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Trong nghiên cứu khoa học, tôi luôn luôn bảo vệ quyền lợi của người tham gia nghiên cứu, thực hiện đầy đủ các điều y đức trong nghiên cứu, và luôn trung thực trong các báo cáo công trình nghiên cứu khoa học của mình.

- Những năm gần đây, tôi có ít nhất là 2-5 bài báo cáo khoa học trong các Hội nghị khoa học trong nước hàng năm, tham gia chủ tọa, báo cáo Hội nghị Khoa học kỹ thuật của Hội Nhi khoa Việt Nam, Hội nghị Nội tiết- Đái tháo đường Miền Trung- Tây Nguyên, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược Cần Thơ, Bệnh viện Nhi đồng 1 và Bệnh viện Nhi đồng 2.

- Đã công bố 34 bài báo khoa học, trong đó có 5 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (4 bài báo là tác giả chính và 1 bài báo là đồng tác giả).

- Chuyển giao công nghệ: Đã thực hiện rất tốt việc chuyển giao công nghệ sau khi hoàn thành đề tài, tham gia chuyển giao kỹ thuật Y học theo đề án 1816 của Bộ Y tế.

1.3. Công tác chuyên môn, quản lý

Tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, quản lý đạt hiệu quả cao:

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, tuân thủ pháp luật, không vi phạm các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Bản thân đã cố gắng phấn đấu, học tập, rèn luyện và đã đạt trình độ của Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Đã có 29 năm hành nghề thầy thuốc và thầy giáo, tích cực nghiên cứu khoa học, viết báo, viết giáo trình giảng dạy, hoàn thành tốt nhiệm vụ của người thầy thuốc và thầy giáo.

- Với nhiệm vụ là bác sĩ Điều hành, điều trị khoa Tiêu hóa bệnh viện Nhi đồng 2 theo cơ chế Viện- Trường; thực hiện tốt nhiệm vụ của một bác sĩ quản lý khoa, bác sĩ điều trị, tận tụy, hết lòng hết sức phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, rèn luyện đạo đức tác phong của người thầy thuốc, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, quan hệ tốt với đồng nghiệp, với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân.

- Tôi luôn luôn cố gắng học và tự học nhằm mục đích nâng cao kiến thức để phục vụ cho công tác giảng dạy.

1.4. Tôi có sức khỏe tốt, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

1.5. Lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng, tôi luôn luôn trung thành với Tổ quốc, hết lòng phục vụ nhân dân.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 9 năm.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 03 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			3		191	130	321/620,5/270
2	2017-2018			2		221	149	370/596,5/270
3	2018-2019			2		152,5	120	272,5/494,5/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020			3		130	142	272/589,5/270
5	2020-2021			2		126	148	274/521,5/270
6	2021-2022			3		120	152	272/474,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

- a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 Anh văn (PG 976).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Ngọc Huy		HVCH	x		2016-2017	ĐHYK PNT	A 194377 26/3/2018
2	Dương Thị Thanh		BSNT	x		2016-2017	ĐHYK PNT	C 002876 20/4/2018
3	Trần Thị Xuân		CK2	x		2016-2017	ĐHYK PNT	A 007056 20/4/2018
4	Bùi Bách Đạt		BSNT	x		2017-2018	ĐHYK PNT	C 003375 25/3/2019
5	Lê Thụy Phương Trúc		BSNT	x		2017-2018	ĐHYK PNT	C 003382 25/3/2019
6	Hồ Quốc Pháp		HVCH	x		2018-2019	ĐHYK PNT	UPNT.ThS/000025 25/3/2020
7	Lê Chí Hiếu		BSNT	x		2018-2019	ĐHYK PNT	C 003866 25/3/2020
8	Sử Thị Như Ngọc		HVCH	x		2019-2020	ĐHYK PNT	UPNT.ThS/000090 19/4/2021
9	Hồ Thị Bạch Tuyết		CK2	x		2019-2020	ĐHYK PNT	A 010188 19/4/2021
10	Bùi Thị Dung Nghi		CK2	x		2019-2020	ĐHYK PNT	A 010189 19/4/2021
11	Thạch Bình Minh		CK2	x		2020-2021	ĐHYK PNT	Đang chờ nhận Bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

12	Trần Nguyễn Phú Cường		CK2	x		2020-2021	ĐHYK PNT	Đang chờ nhận Bằng
13	Hà Nguyễn Minh Thư		ThS	x		2021-2022	ĐHYK PNT	Đang hoàn chỉnh luận văn
14	Dương Châu Giang		BSNT		x	2021-2022	ĐHYK PNT	Đang hoàn chỉnh luận văn
15	Nguyễn Ngọc Yến Nhi		CK2	x		2021-2022	ĐHYK PNT	Đang hoàn chỉnh luận văn

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Bài giảng Nhi khoa	Giáo trình	Nhà xuất bản Y học- 2017 (QĐ số 304/QĐ-NXB, 21/8/2019)	17	Tham gia biên soạn	Chương Tiêu hóa 366-395; 396-412; 413-425	ĐHYK PNT chứng nhận, số 2265/GCN-TĐHYKPN ngày 13/6/2019 là Giáo trình dạy- học cho sinh viên
2	Bệnh học Tiêu hóa Nhi	Chuyên khảo	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TPHCM- 2021 (QĐ số 91/QĐ-NXB, 19/5/2021)	1	Chủ biên	Viết một mình	ĐHYK PNT chứng nhận, số 2697/GCN-TĐHYKPN ngày 07/7/2021 là sách Tham khảo cho đối tượng Đại học và học viên Sau Đại học

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

- Đề tài cấp Tỉnh đã được nghiệm thu: 2 đề tài trong đó 01 là chủ nhiệm đề tài, 01 là Phó chủ nhiệm.

- Đề tài cấp Cơ sở đã được nghiệm thu: 14 đề tài là chủ nhiệm đề tài.

- Đề tài cấp Thành phố đang triển khai: 01 đề tài là chủ nhiệm đề tài.

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS: 15				
1	Ngộ độc cấp phospho hữu cơ.	CN	Cơ sở	1996-1997	1997/Khá
2	Gelafundin trong điều trị Sốt xuất huyết có choáng.	CN	Cơ sở	1997-1998	1998/Khá
3	Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến viêm phổi nặng trẻ em dưới 5 tuổi.	CN	Cơ sở	2003	2003/Tốt
4	Phân tích các yếu tố liên quan Sốt xuất huyết Dengue có sốc.	CN	Cơ sở	2004	2004/Đạt
5	Nghiên cứu những bất lợi ở trẻ thừa cân và béo phì.	CN	Cơ sở	2005	2005/Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6	Nghiên cứu những ảnh hưởng bất lợi của học sinh thừa cân và béo phì lứa tuổi 6-15 tuổi tại các trường Tiểu học, Trung học cơ sở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	CN	Cấp Tỉnh	2007-2008	30/7/2008/Khá
7	Khảo sát sự biến đổi khối mỡ cơ thể, huyết áp và điện tâm đồ của trẻ em thừa cân và béo phì.	CN	Cơ sở	2009	16/11/2009/Khá
8	Sự liên quan mọc răng và sốt.	CN	Cơ sở	2010	16/11/2009/Đạt
9	Nghiên cứu thực trạng nhiễm virus viêm gan B và C tại các trường mầm non tỉnh Đồng Nai 2009-2010.	PCN	Cấp Tỉnh	2009-2010	26/8/2010/Khá
10	Nghiên cứu tình hình viêm gan siêu vi B và anti-HBs ở trẻ từ 1-6 tuổi sau tiêm chủng vaccin viêm gan B.	CN	Cơ sở	2009-2010	6/10/2010/Tốt
11	Nghiên cứu đặc điểm bệnh Tiêu chảy cấp đang điều trị tại khoa Tiêu hóa bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.	CN	Cơ sở	2011-2012	4/10/2012/Đạt
12	Hội chứng chuyển hóa ở trẻ em thừa cân-béo phì tại thành phố Biên Hòa.	CN	Cơ sở	2010-2011	9/11/2012/Đạt
13	Protein phản ứng C, tỷ lệ mỡ cơ thể và đặc điểm Hội chứng chuyển hóa ở trẻ em	CN	Cơ sở	2013	03/12/2013/Tốt

	thừa cân, béo phì.				
14	Mối tương quan giữa các chỉ số nhân trắc với yếu tố nguy cơ tim mạch ở trẻ em thừa cân, béo phì.	CN	Cơ sở	2013-2014	10/12/2014/Tốt
15	Rối loạn lipid máu và hội chứng chuyển hóa ở trẻ em thừa cân, béo phì từ 10 đến 15 tuổi.	CN	Cơ sở	2013-2014	10/12/2014/Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS: 1 đề tài				
16	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm loét dạ dày tá tràng được nội soi Tiêu hóa tại bệnh viện Nhi đồng-Đồng Nai năm 2013.	CN	Cơ sở	2013-2015	10/9/2015/Khá
	Nghiên cứu tình hình nhiễm giun đũa chó ở trẻ em và hiệu quả điều trị bằng albendazole tại thành phố Hồ Chí Minh.	CN	Cấp Thành phố	2022-2023	Đang triển khai thực hiện
	Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, cận lâm sàng, điều trị bệnh viêm ruột mạn tại bệnh viện Nhi Đồng 2	CN	Cơ sở	2022	Đang triển khai thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Trước khi được công nhận TS: 8 bài báo là tác giả chính.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Sau khi được công nhận TS: 26 bài báo trong đó 14 bài báo là tác giả chính và 12 bài báo là đồng tác giả chính.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS: 8 bài báo là tác giả chính							
1	Nghiên cứu tình hình và một số yếu tố nguy cơ đến nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trẻ em dưới 5 tuổi.	2	X	Y học Thực hành ISSN 0866-7241			447, 84-87	4/2003
2	Nghiên cứu những bất lợi ở trẻ thừa cân và béo phì.	2	X	Y Học Thực hành ISSN 0866-7241			521, 190-196	9/2005
3	Nghiên cứu những ảnh hưởng bất lợi của học sinh thừa cân và béo phì.	2	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			12, 4, 49-53	12/2008
4	Nghiên cứu sự biến đổi Protein phản ứng C và lipid máu của học sinh thừa cân và béo phì.	2	X	Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			356, 2, 641-647	4/2009
5	Tỷ lệ Viêm gan B và hiệu giá kháng thể anti-HBs 1-6 tuổi đã được	2	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN			15, 3, 20-23	7/2011

	tiêm chủng vắc xin viêm gan B.			1859-1779				
6	Protein phản ứng C, tỷ lệ mỡ cơ thể và đặc điểm Hội chứng chuyển hóa ở trẻ em thừa cân, béo phì.	2	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			17, 1, 238-242	1/2013
7	Hội chứng chuyển hóa ở trẻ em thừa cân, béo phì từ 10 đến 15 tuổi.	2	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			17, 1, 243-247	1/2013
8	Giá trị điểm cắt chỉ số nhân trắc dự đoán các yếu tố nguy cơ tim mạch ở trẻ em thừa cân, béo phì.	2	X	Nhi khoa Việt Nam ISSN 1859-3860			6, 3, 60-67	6/2013
II	Sau khi được công nhận PGS/TS: 26 bài báo 14 bài báo là tác giả chính 12 bài báo là đồng tác giả chính							
9	Mối tương quan giữa các chỉ số nhân trắc với yếu tố nguy cơ tim mạch ở trẻ em thừa cân, béo phì.	1	X	Tim Mạch học Việt Nam ISSN 1859-2848			72, 722-730	12/2015
10	Áp xe gan do Sán lá gan lớn tại bệnh viện Nhi đồng 2; báo cáo 3 trường hợp.	3	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			21, 6, 124-135	11/2017
11	Kiến thức, thái độ, hành vi của bệnh nhân và gia đình trong điều trị viêm	4		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN			22, 3, 173-178	5/2018

	loét dạ dày tá tràng nhiễm <i>Helicobacter pylori</i> tại bệnh viện Nhi Đồng 2.			1859-1779				
12	Đặc điểm biến chứng thường gặp loét dạ dày tá tràng ở trẻ em.	3		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			22, 3, 179-184	5/2018
13	Béo phì và probiotic- một hướng tiếp cận mới.	3	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			22, 4, 1-4	7/2018
14	Đau bụng trẻ nữ nhi và đáp ứng viêm cấp độ thấp.	4	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			20, 4, 5-11	7/2018
15	Kiến thức, thái độ, hành vi của bệnh nhân và gia đình và một số yếu tố liên quan trong trong điều trị viêm loét dạ dày tá tràng có nhiễm <i>Helicobacter pylori</i> tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	4		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			20, 4, 79-88	7/2018
16	Đánh giá kết quả điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng do <i>Helicobacter pylori</i> tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	4		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			20, 4, 140-147	7/2018
17	Clinical and paraclinical characteristics of	1	X	VJSTE ISSN			61, 2, 60-64	6/2019

	metabolic syndrome in children with overweight and obesity in Dong Nai province, Vietnam.			2525-2461				
18	Cập nhật chẩn đoán và điều trị táo bón.	1	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			22, 4, 6-15	8/2019
19	Bảng bụng: Một đặc điểm hiếm gặp do viêm dạ dày ruột tăng bạch cầu ái toan tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	4	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			23, 4, 55-59	8/2019
20	Đặc điểm hội chứng tăng áp lực tĩnh mạch cửa ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	3		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			23, 4, 60-67	8/2019
21	Dung nạp sau can thiệp sữa thủy phân Protein toàn phần trên trẻ dị ứng đạm sữa bò tại bệnh viện Nhi đồng 2.	3		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			24, 3, 215-220	5/2020
22	Đặc điểm Viêm tụy cấp tái diễn ở trẻ em tại bệnh viện Nhi đồng 2.	3		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			24, 3, 287-292	5/2020
23	Đặc điểm viêm loét dạ dày tá tràng do <i>Helicobacter pylori</i> và liên quan giữa độc lực	3		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			25, 3, 128-132	6/2021

	và hiệu quả tiết trừ <i>Helicobacter pylori</i> ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Đồng 2.						
24	Đặc điểm điều trị dự phòng hội chứng ói chu kỳ tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	5	X	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779		25, 3, 183-189	6/2021
25	Đặc điểm mô học của viêm loét dạ dày tá tràng và mối liên quan giữa đặc điểm mô học và kết quả tiết trừ <i>Helicobacter pylori</i> ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	3		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779		25, 4, 55-61	7/2021
26	Kết quả học tập, chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe của trẻ mắc hội chứng ói chu kỳ tại bệnh viện Nhi Đồng 2.	5		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779		25, 4, 62-68	7/2021
27	Đặc điểm tiêu chảy kéo dài trẻ dưới 5 tuổi tại khoa Tiêu hóa bệnh viện Nhi Đồng 2.	4		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779		25, 4, 69-74	7/2021
28	Điều trị bệnh Crohn ở trẻ em bằng adalimumab sau nhiễm Covid-19 tại Bệnh viện Nhi đồng 2: báo cáo một trường hợp	3	X	VJSTE ISSN 2525-2461		64, 5, 11-14	5/2022

29	Eosinophilic gastroenteritis with ascites at Children's Hospital No. 2: a case report and review of the literature	2	X	VJSTE ISSN 2525-2461			64, 2, 59-64	6/2022
III	Bài báo khoa học đã công bố tạp chí Y học nước ngoài có uy tín: 5 bài báo							
30	Factors associated with outcome of <i>Helicobacter pylori</i> treatment in Vietnam: antimicrobial susceptibility and family knowledge about treatment.	4		Wiley <i>Helicobacter</i> DOI: 10.1111/hel.12525			23, 1, 46-47	9/2018
31	Antibiotic resistance of <i>Helicobacter pylori</i> infection in a children's hospital in Vietnam: prevalence and associated factors.	9	X	Minerva Medica	Current Contents/Clinical Medicine, EMBASE, PubMed/MEDLINE, Science Citation Index Expanded (SCIE), Scopus Q2, (IF: 3.031)		111, 5, 498-501	10/2020
32	Etiology of Acute Recurrent Pancreatitis in Vietnamese Children: an Initial Report.	4	X	MED ARCH	Scopus Q3 (Citescore=1.7)		74, 6, 474-477	12/2020
33	Antimicrobial Resistance and the Successful Eradication of <i>Helicobacter pylori</i> -Induced Gastroduodenal	8	X	MED ARCH	Scopus Q3 (Citescore=1.7)		75, 2, 112-115	4/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Ulcers in Vietnamese Children.							
34	Cut off Values for Serum Ferritin in Predicting Cirrhosis Severity due to Cholestatic Jaundice in Vietnamese Children	4	X	MED ARCH	Scopus Q3 (Citescore=1.9)		76, 2, 122- 126	4/2022

- Trong đó: Số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2022

Người đăng ký



HÀ VĂN THIỆU